

Số: 02/TB-BV

Hà Giang, ngày 08 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc triển khai các dịch vụ kỹ thuật Điện quang mạch máu và can thiệp

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-SYT ngày 12/02/2014 của Giám đốc Sở y tế Hà Giang về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được thực hiện tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-SYT, ngày 17/12/2020 của Sở Y tế Hà Giang về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn đối Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BYT, ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2018/TT-BYT, ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế giữa các Bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

Căn cứ công văn số 10/BHXXH-GĐBHYYT, ngày 08/01/2020 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Hà Giang về trả lời việc thẩm định máy Hệ thống chụp mạch DSA và triển khai DVKT mới của Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang triển khai một số dịch vụ kỹ thuật Điện quang mạch máu và can thiệp phục vụ người bệnh năm 2021 cụ thể như sau:

1. Tên các dịch vụ kỹ thuật: (Có danh mục kèm theo)

2. Phê duyệt: tại danh mục tương đương tại Quyết định số 7435/QĐ-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về quy trình kỹ thuật và chi phí thực hiện theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT

3. Thời gian triển khai.

Trên đây là những nội dung về việc triển khai một số dịch vụ kỹ thuật mới. Phòng TCKT phối hợp với phòng Công nghệ thông tin và truyền thông cập nhật kỹ thuật dịch vụ mới vào hệ thống phần mềm Bệnh viện. Đề nghị các khoa căn cứ hướng dẫn chỉ định phù hợp, nâng cao chất lượng điều trị cho người bệnh và triển khai dịch vụ từ ngày 08/01/2021.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, KHTH. 

GIÁM ĐỐC



Bs CKII. Nguyễn Quốc Dũng

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

DANH MỤC KỸ THUẬT TRIỂN KHAI NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 02/TB-BV, ngày 08/01/2021)

TT	Mã tương đương	Mã TT 43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	Tên phiên ngang tại QĐ: 743/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018 Thống nhất tên các dịch vụ kỹ thuật KCB tương đương thực hiện Thông tư 39/2018/TT-BYT	Giá thanh toán theo Thông tư 13
			XVIII. ĐIỆN QUANG		
			D. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CÁN THIẾP		
			3. Chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)		
1	18.0515.0052	18.515	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp số hóa xóa nền	Chụp mạch máu số hóa xóa nền (DSA)	5,598,000
2	18.0519.0055	18.519	4. Chụp và can thiệp mạch số hóa xóa nền Chụp, nong và đặt Stent động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Chụp và can thiệp mạch chủ bụng hoặc ngực và mạch chi dưới DSA	9,066,000
3	18.0525.0055	18.525	Chụp và điều trị lấy huyết khối qua ống thông điều trị tắc mạch chi số hóa xóa nền	Chụp và can thiệp mạch chủ bụng hoặc ngực và mạch chi dưới DSA	9,066,000
4	18.0528.0058	18.528	Chụp và nút mạch điều trị u gan số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
5	18.0531.0058	18.531	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
6	18.0535.0058	18.535	Chụp và nút mạch điều trị u xo tư cung số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
7	18.0537.0058	18.537	Chụp và nút động mạch tư cung số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
8	18.0538.0058	18.538	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
9	18.0543.0058	18.543	Chụp, nong và đặt Stent động mạch thân số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
10	18.0550.0058	18.550	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
11	18.0551.0058	18.551	Chụp và nút dị dạng mạch các tạng số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
12	18.0553.0057	18.553	Chụp và nút phình động mạch não số hóa xóa nền	Chụp, nút dị dạng và can thiệp các bệnh lý mạch thần kinh dưới DSA	9,666,000
13	18.0554.0057	18.554	Chụp và điều trị phình động mạch não bằng thay đổi dòng chảy số hóa xóa nền	Chụp, nút dị dạng và can thiệp các bệnh lý mạch thần kinh dưới DSA	9,666,000
14	18.0556.0057	18.556	Chụp và nút thông động mạch cảnh xoang hang số hóa xóa nền	Chụp, nút dị dạng và can thiệp các bệnh lý mạch thần kinh dưới DSA	9,666,000
15	18.0561.0058	18.561	Chụp và nút mạch tiền phẫu các khối u số hóa xóa nền	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000
16	18.0566.0057	18.566	Chụp và can thiệp lấy huyết khối động mạch não số hóa xóa nền	Chụp, nút dị dạng và can thiệp các bệnh lý mạch thần kinh dưới DSA	9,666,000
17	18.0580.0064	18.580	Đốt sóng cao tần điều trị các khối u số hóa xóa nền	Điều trị các tổn thương xương, khớp, cột sống và các tạng dưới DSA (đốt xi măng cột sống, điều trị các khối u tủy và giả u xương...)	3,116,000



TT	Mã tương đương	Mã TT 43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	Tên phiên ngang tại QĐ: 7435/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018 Thông nhất tên các dịch vụ kỹ thuật KCB tương đương thực hiện Thông tư 39/2018/TT-BYT	Giá thanh toán theo Thông tư 13
18	18.0582.0059	18.582	Mở thông dâ dày qua da số hóa xóa nền	Can thiệp vào lòng mạch trực tiếp qua da (đặt công truyền hóa chất, đốt giãn tĩnh mạch, sinh thiết trong lòng mạch) hoặc mở thông dâ dày qua da, dẫn lưu các ổ áp xe và tạng ổ bụng dưới DSA.	2,103,000
19	18.0584.0059	18.584	Điều trị tiêm xơ trực tiếp qua da số hóa xóa nền	Can thiệp vào lòng mạch trực tiếp qua da (đặt công truyền hóa chất, đốt giãn tĩnh mạch, sinh thiết trong lòng mạch) hoặc mở thông dâ dày qua da, dẫn lưu các ổ áp xe và tạng ổ bụng dưới DSA.	2,103,000
20	18.0587.0061	18.587	Dẫn lưu đường mật số hóa xóa nền	Dẫn lưu, nong đặt Stent, lấy dị vật đường mật hoặc đặt sonde JJ qua da dưới DSA	3,616,000
21	18.0588.0061	18.588	Nong đặt Stent đường mật số hóa xóa nền	Dẫn lưu, nong đặt Stent, lấy dị vật đường mật hoặc đặt sonde JJ qua da dưới DSA	3,616,000
22	18.0590.0059	18.590	Dẫn lưu áp xe ngực/bụng số hóa xóa nền	Can thiệp vào lòng mạch trực tiếp qua da (đặt công truyền hóa chất, đốt giãn tĩnh mạch, sinh thiết trong lòng mạch) hoặc mở thông dâ dày qua da, dẫn lưu các ổ áp xe và tạng ổ bụng dưới DSA.	2,013,000
23	18.0591.0059	18.591	Dẫn lưu các ổ dịch ngực/bụng số hóa xóa nền	Can thiệp vào lòng mạch trực tiếp qua da (đặt công truyền hóa chất, đốt giãn tĩnh mạch, sinh thiết trong lòng mạch) hoặc mở thông dâ dày qua da, dẫn lưu các ổ áp xe và tạng ổ bụng dưới DSA.	2,013,000
24	18.0593.0059	18.593	Dẫn lưu bể thận số hóa xóa nền	Can thiệp vào lòng mạch trực tiếp qua da (đặt công truyền hóa chất, đốt giãn tĩnh mạch, sinh thiết trong lòng mạch) hoặc mở thông dâ dày qua da, dẫn lưu các ổ áp xe và tạng ổ bụng dưới DSA.	2,103,000
25	18.0594.0061	18.594	Đặt sonde JJ số hóa xóa nền	Dẫn lưu, nong đặt Stent, lấy dị vật đường mật hoặc đặt sonde JJ qua da dưới DSA	3,616,000
26	18.0599.0061	18.599	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da số hóa xóa nền	Dẫn lưu, nong đặt Stent, lấy dị vật đường mật hoặc đặt sonde JJ qua da dưới DSA	3,616,000
27	18.0600.0064	18.600	Diệt hạch điều trị đau dâ V số hóa xóa nền	Điều trị các tổn thương xương, khớp, cột sống và các tạng dưới DSA (đỏ xi măng cột sống, điều trị các khối u tạng và giả u xương...)	3,116,000
28	18.0681.0058	18.681	Chụp và nút mạch điều trị phì đại lành tính tuyến tiền liệt	Can thiệp đường mạch máu cho các tạng dưới DSA	9,116,000

HÀ GIANG

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA TIM MẠCH TRIỂN KHAI NĂM 2021
(Bên hình kèm theo Thông báo số: 02/TB-BV, ngày 08/01/2021)

TT	Mã tương đương	Mã TT 43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	Tên phiên ngang tại QĐ: 7435/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018 Thống nhất tên các dịch vụ kỹ thuật KCB tương đương thực hiện Thông tư 39/2018/TT-BYT	Giá thanh toán theo Thông tư 13
			B. TIM MẠCH		
	02.0101.0054	2.101	Nong và đặt stent động mạch vành	Chụp và can thiệp tim mạch (van tim, tim bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	1.998.000
	02.0118.0009	2.118	Siêu âm trong lòng mạch vành (IVUS)	Siêu âm trong lòng mạch hoặc Đo dự trữ lưu lượng động mạch vành FFR	6.816.000